

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
KHAI THÁC THỦY LỢI QUẢNG NAM**

Địa chỉ: Số 03 Trần Hưng Đạo, TP Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam



BÁO CÁO

**Đánh giá tình hình tài chính
06 tháng đầu năm 2021**

(Theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

Kính gửi:

Tháng 7/2021



MỤC LỤC

Báo cáo đánh giá tình hình tài chính 06 tháng đầu năm 2021



1. Báo cáo đánh giá tình hình tài chính 06 tháng đầu năm 2021
2. Tình hình đầu tư và huy động vốn để đầu tư vào các dự án hình thành tài sản cố định và xây dựng cơ bản Biểu số 02.A
3. Tình hình sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính năm 2020 Biểu số 02.C
4. Tình hình thực hiện sản phẩm, dịch vụ công ích Biểu số 02.D
5. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước và tình hình trích lập và sử dụng các quỹ năm 2020 Biểu số 02.Đ



Số: 1734 /BC-CT

Quảng Nam, ngày 28 tháng 7 năm 2021.

BÁO CÁO

Đánh giá tình hình tài chính của doanh nghiệp 06 tháng đầu năm 2021

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Thực hiện Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước; Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015.

Công ty TNHH một thành viên Khai thác thủy lợi Quảng Nam báo cáo đánh giá tình hình tài chính và kết quả sản xuất kinh doanh 06 tháng đầu năm 2021 với các nội dung sau:

1. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn

1.1. Vốn chủ sở hữu (Mã số 410 - Vốn góp của chủ sở hữu, Quỹ Đầu tư phát triển và Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản):

Trong 06 tháng đầu năm 2021, vốn chủ sở hữu tăng do XDCB hoàn thành, cụ thể:

- a) Phát sinh tăng: **15.941.222.000**, đồng, gồm:
 - Xây dựng cơ bản hoàn thành từ nguồn kinh phí ngân sách Tỉnh:
 - + Khắc phục lũ 2016: 2.864.547.000, đồng
 - * Sửa chữa đập dâng Cẩm Lũ: 731.117.000, đồng
 - * Sửa chữa đập dâng Đồng Hòe: 1.065.351.000, đồng
 - * Sửa chữa, nâng cấp kênh vượt cấp Ngọc Khô thuộc kênh N18-10 Bắc Phú Ninh: 1.068.079.000, đồng
 - + Khắc phục lũ 2017: 1.905.492.000, đồng
 - * Sửa chữa các đập Suối Mới, Cây Trâm, Bàu Hoãn: 828.015.000, đồng.
 - * Sửa chữa đập dâng Phú Thị: 1.077.477.000, đồng.
 - + Khắc phục lũ năm 2018: 4.193.399.000, đồng
 - * Sửa chữa đập dâng Cồn Thầy: 452.523.000, đồng.
 - * Sửa chữa đập điều tiết kênh N22-5-1 Bắc Phú Ninh: 266.626.000, đồng.
 - * Sửa chữa công xả cầu máng số 2, số 3 và số 4 trên kênh chính Bắc Phú Ninh: 966.241.000, đồng.
 - * Sửa chữa đập điều tiết Mực Nhơn: 208.797.000, đồng.

Thủy

- * Khắc phục, sửa chữa kênh N2B Bắc Phú Ninh: 2.299.212.000, đồng.
- Tăng nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản ngân sách Tỉnh cấp:
- + Nâng cấp kênh N1,N2 hồ chứa nước Phú Lộc: 984.911.000, đồng;
- + Hệ thống kênh mương trạm bơm La Thọ, thị xã Điện Bàn và trạm bơm Xuyên Đông, huyện Duy Xuyên: 678.713.000, đồng.
- + Kênh N4-2 Vĩnh Trinh Tây, xã Duy Hòa, huyện Duy Xuyên: 297.454.000, đồng.
- + Kênh N4-2, N12 Vĩnh Trinh Tây, xã Duy Hòa, huyện Duy Xuyên: 367.100.000, đồng.
- + Kênh N14-2-1 Khe Tân, xã Đại Cường, huyện Đại Lộc: 4.184.000, đồng
- + Kênh chính trạm bơm Bàu Phốc, thị trấn Ái Nghĩa, huyện Đại Lộc: 2.512.000, đồng
- + Khắc phục thiệt hại do mưa, bão, lũ năm 2020: 4.642.910.000, đồng
(Ngân sách cấp lại lần 2).

b) Phát sinh giảm: **10.186.783.000**, đồng, gồm:

- Khắc phục thiệt hại công trình do mưa lũ năm 2018: 5.186.783.000, đồng
- Khắc phục thiệt hại do mưa, bão, lũ năm 2020: 5.000.000.000, đồng
(Ngân sách thu hồi).

1.2. Tổng tài sản: 1.614.809.866.171, đồng

1.3. Lợi nhuận sau thuế (lỗ): - 1.605.147.499, đồng. Kết quả kinh doanh 06 tháng đầu năm 2021 do chỉ mới xác định doanh thu sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi vụ Đông Xuân 2020-2021 nên không đảm bảo cân đối chi phí sản xuất.

1.4. Hiệu quả sử dụng vốn: Là doanh nghiệp được giao thực hiện nhiệm vụ công ích là cung cấp nước tưới, phục vụ sản xuất nông nghiệp, hoạt động của Công ty không vì mục tiêu lợi nhuận; vì vậy, đối với Công ty không thể đánh giá hiệu quả sử dụng vốn thông qua các chỉ tiêu Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE) và Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA).

Về đánh giá mức độ bảo toàn và phát triển vốn của doanh nghiệp: Trong 06 tháng đầu năm 2021, Công ty đã thực hiện quản lý nguồn vốn Nhà nước giao đúng quy định, có hiệu quả, không để thất thoát vốn.

2. Việc quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp

2.1. Tình hình đầu tư dự án: (Biểu số 02.A)

- Các dự án thuộc nhóm A và nhóm B: Không có.
- Các dự án khác: Trong 06 tháng đầu năm 2021 phát sinh việc đầu tư xây dựng từ nguồn kinh phí ngân sách Tỉnh (XDCB), khấu hao cơ bản tái đầu tư (ĐTPT), hầu hết các hạng mục công trình đang trong giai đoạn thi công, chưa hoàn thành. Riêng các công trình Khắc phục thiệt hại do mưa lũ từ ngày 08/12 đến ngày 12/12/2018 và công trình Nhà quản lý cụm thủy nông Đông Quang: Chính trang khuôn viên nhà quản lý; trạm bơm điện Đông Quang: Lan can bảo vệ kênh Chính đoạn K2+261-K2+576 tại thị xã Điện Bàn và trạm bơm điện Hà

Châu: Hàng rào công ngõ tại thành phố Hội An (*nguồn khấu hao cơ bản tái đầu tư*) đã được phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành.

- Các hạng mục công trình do Công ty làm chủ đầu tư được thực hiện đảm bảo đúng các quy định hiện hành về quản lý đầu tư xây dựng như: chủ trương đầu tư, kế hoạch bố trí vốn, tiến độ giải ngân, bảo vệ môi trường, tiến độ thực hiện,...

2.2. Tình hình đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp: Không.

2.3. Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động: Không.

2.4. Tình hình quản lý tài sản, nợ phải thu, nợ phải trả:

a) Quản lý tài sản:

- Hội đồng thành viên Công ty quyết định các dự án đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định thuộc nguồn vốn khấu hao cơ bản tái đầu tư (*ĐTPT*). Giám đốc Công ty quyết định các dự án thuộc nguồn chi phí bảo trì định kỳ tài sản hằng năm của Công ty, nguồn kinh phí khắc phục do thiên tai (mưa lũ năm 2020) được ngân sách Tỉnh hỗ trợ,... theo quy định của Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp. Quy trình thực hiện các dự án đầu tư, sửa chữa tài sản trong 06 tháng đầu năm 2021 đúng theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư xây dựng;

- Việc trích khấu hao tài sản cố định được thực hiện đúng nguyên tắc, chế độ quản lý, sử dụng và thời gian trích khấu hao theo quy định của Bộ Tài chính;

- Về thanh lý tài sản cố định:

+ Trong 06 tháng đầu năm 2021 không phát sinh việc thanh lý tài sản;

+ Xe ô tô biển số 92K-4008 được trang bị phục vụ sản xuất, phòng chống lụt bão tại Chi nhánh Thủy lợi Thăng Bình đã hư hỏng nặng, đã thông báo thanh lý nhưng chưa bán được;

+ Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ chủ yếu gồm: Nguyên, nhiên, vật liệu, công cụ, dụng cụ mua nhập kho để xuất dùng cho sản xuất khi cần thiết; giá trị hàng tồn kho (*dự phòng cho sự cố công trình và phòng chống lụt bão,..*) qua kiểm kê có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được đã được đánh giá và lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho đúng quy định;

+ Thực hiện kiểm kê tài sản, nguyên vật liệu,... đúng quy định.

b) Quản lý nợ phải thu, nợ phải trả:

Thực hiện quản lý các khoản nợ phải thu, phải trả đúng Quy chế quản lý nợ ban hành theo Quy định tại Nghị định số 206/2013/NĐ-CP ngày 09/12/2013 của Chính phủ. Mở sổ theo dõi các khoản nợ theo từng đối tượng nợ; phân loại các khoản nợ và thường xuyên đôn đốc thu hồi nợ; trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu khó đòi trong phạm vi tình hình tài chính của doanh nghiệp; thanh toán các khoản nợ phải trả theo đúng thời hạn đã cam kết và đủ khả năng thanh toán nợ.

- Tình hình nợ phải thu đến kỳ báo cáo:

+ Tổng số nợ phải thu đến kỳ báo cáo : 15.353.592.750, đồng

Trong đó: Nợ phải thu khó đòi : 1.070.706.251, đồng



Thuy

+ Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi : 1.161.624.338, đồng

+ Xử lý công nợ khó đòi trong kỳ: Số nợ phải thu khó đòi là số nợ phát sinh trước thời điểm chuyển đổi doanh nghiệp (*chi tiết lưu tại hồ sơ chuyển đổi doanh nghiệp*), trong kỳ báo cáo 06 tháng đầu năm 2021 không có phát sinh nợ phải thu khó đòi.

* Nợ phải thu tăng so với cùng kỳ 06 tháng đầu năm 2020 là 4.275.473.200, đồng; các khoản nợ phải thu chủ yếu là nợ ngắn hạn (*tiền nước thô, tạm ứng cho các nhà thầu thực hiện các công trình XD CB, kinh phí ngân sách trợ giá năm 2020 chờ duyệt cấp, ...*).

- Tình hình nợ phải trả đến kỳ báo cáo:

+ Tổng số nợ phải trả đến kỳ báo cáo : 17.180.005.768, đồng

* Nợ phải trả giảm so với cùng kỳ 06 tháng đầu năm 2020 là 444.162.502, đồng; các khoản nợ phải trả còn trong thời hạn thanh toán, không có nợ quá hạn; gồm:

- Tiền lương 06 tháng đầu năm 2021;

- Phải trả các nhà thầu khoản bảo hành thi công công trình năm 2020 chưa đến hạn thanh toán;

- Các khoản thuế phải nộp trong tháng 6/2021 chưa đến hạn nộp (đã nộp trong tháng 7/2021).

- Khoản ngân sách cấp kinh phí hoạt động công ích năm 2021 chưa quyết toán.

3. Tình hình sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính (Biểu số 02.C)

3.1. Về sản lượng sản xuất (diện tích tưới nước, cấp nước):

- Diện tích tưới kế hoạch năm 2021 : 49.931,02 ha

+ Vụ Đông Xuân : 24.745,62 ha

+ Vụ Hè Thu : 25.185,40 ha

- Diện tích tưới thực hiện 06 tháng đầu năm 2021: 24.795,62 ha

+ Vụ Đông Xuân : 24.795,62 ha

* Thực hiện so với kế hoạch (tăng) : 50 ha (*tưới hỗ trợ cho các công trình địa phương quản lý*).

3.2. Về các chỉ tiêu tài chính

- Doanh thu : 32.262.015.987, đồng

+ Sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi : 23.438.219.175, đồng

+ Sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác : 8.570.320.825, đồng

+ Tài chính : 18.831.506, đồng

+ Khác : 234.644.481, đồng

- Chi phí : 33.867.163.486, đồng

- Lợi nhuận trước thuế (lỗ) : - 1.605.147.499, đồng

- Nộp ngân sách : 579.358.691, đồng

3.3. Về hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp thông qua các chỉ tiêu

Nhiệm vụ của Công ty là cung cấp nước tưới, phục vụ sản xuất nông nghiệp, là doanh nghiệp hoạt động công ích, không vì mục tiêu lợi nhuận; vì vậy

không thể đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp thông qua các chỉ tiêu Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE) và Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA).

3.4. Tình hình thực hiện sản phẩm dịch vụ công ích (Biểu số 02.D)

- Khối lượng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi thực hiện thông qua chỉ tiêu nghiệm thu tưới vụ Đông Xuân 2020-2021 (số liệu tại Điểm 3.1) đạt tiêu chuẩn.

- Chất lượng sản phẩm, dịch vụ công ích: Điều hòa, phân phối nước đảm bảo số lượng, chất lượng, kịp thời phục vụ sản xuất nông nghiệp và theo yêu cầu của các ngành kinh tế khác.

- Tình hình thực hiện chỉ tiêu kế hoạch sản xuất, cụ thể:

+ Về khối lượng sản phẩm dịch vụ công ích đạt 99,69 % so với cùng kỳ năm 2020 và đạt 100,20% so với kế hoạch vụ Đông Xuân 2020-2021;

+ Về doanh thu thực hiện sản phẩm, dịch vụ công ích đạt 100,03% % so với cùng kỳ năm 2020 và đạt 49,63% kế hoạch năm.

3.5. Phân tích lưu chuyển tiền tệ trong kỳ báo cáo

Lượng tiền của Công ty chủ yếu từ nguồn ngân sách Nhà nước cấp, số dư tiền và tương đương tiền đầu kỳ và cuối kỳ đảm bảo đáp ứng đủ nhu cầu cho hoạt động sản xuất của Công ty.

4. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, tình hình phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ (Biểu số 02.Đ)

4.1. Thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước: Công ty thực hiện việc kê khai, nộp các khoản nghĩa vụ với ngân sách nhà nước kịp thời, đúng quy định.

4.2. Tình hình phân phối lợi nhuận: Trong 06 tháng đầu năm 2021 không phát sinh nghiệp vụ phân phối lợi nhuận.

4.3. Trích lập và sử dụng các quỹ: Trong 06 tháng đầu năm 2021 không phát sinh nghiệp vụ trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi.

Công ty đã sử dụng các quỹ đúng quy định, bảo đảm công khai, công bằng, minh bạch. Nội dung chi các quỹ gồm:

+ Quỹ khen thưởng: Chi thưởng đột xuất và định kỳ cho cá nhân, tập thể người lao động đạt thành tích công tác.

+ Quỹ phúc lợi: Chi thăm ốm đau, hiếu hỉ, trợ cấp khó khăn cho người lao động, mua sắm đồ dùng, sửa chữa các công trình phúc lợi, hoạt động phúc lợi của tập thể người lao động, đóng góp từ thiện xã hội,...

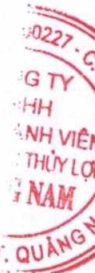
5. Tình hình chấp hành chế độ, chính sách và pháp luật

5.1. Về chấp hành chính sách thuế: Thực hiện kê khai, nộp các khoản thuế đúng quy định.

5.2. Về chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội:

- Tiền lương:

+ Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2021 của người lao động và người quản lý Công ty được xác định theo Thông tư số 17/2019/TT-BLĐTBXH ngày 06/11/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn xác định chi



Thay

phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công ích sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước do doanh nghiệp thực hiện.

+ Thực hiện việc tạm ứng tiền lương cho người lao động và người quản lý Công ty đúng quy định, mức tạm ứng tiền lương hằng tháng bằng 80% tiền lương bình quân của năm 2020.

- Bảo hiểm xã hội:

+ Thực hiện trích lập và nộp các khoản bảo hiểm đúng quy định, kịp thời;

+ Người lao động nghỉ việc, chấm dứt hợp đồng lao động được trả trợ cấp nghỉ việc đầy đủ, đúng quy định;

+ Các chế độ ốm đau, thai sản được lập và thanh toán đúng quy định.

5.3. Về chế độ tài chính, kế toán, thống kê:

- Thực hiện hạch toán kế toán và quản lý tài chính theo quy định của Luật kế toán; tổ chức công tác thống kê kế toán theo quy định;

- Toàn bộ hoạt động của Công ty được tổ chức tổng hợp, thống kê theo từng lĩnh vực, đúng quy định.

5.4. Về chế độ báo cáo tài chính, báo cáo giám sát tài chính, báo cáo thống kê,....

- Chấp hành việc lập các báo cáo tài chính, báo cáo giám sát tài chính, báo cáo thống kê và các báo cáo khác đúng quy định về nội dung và thời gian báo cáo.

- Báo cáo tài chính năm 2020 và 06 tháng đầu năm 2021 được kiểm toán theo quy định của pháp luật hiện hành; Báo cáo tài chính năm 2020 đã trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Đã lập Báo cáo đánh giá tình hình tài chính năm 2020 theo Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ và Báo cáo công khai, minh bạch trong quản lý doanh nghiệp nhà nước năm 2020 theo Luật phòng, chống tham nhũng số 27/2012/QH13.

- Thực hiện việc lập các báo cáo định kỳ năm 2020 đúng quy định.

6. Giải trình của doanh nghiệp đối với các ý kiến đánh giá của doanh nghiệp kiểm toán độc lập, ý kiến của Kiểm soát viên

Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2021 của Công ty đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Thuế ATAX kiểm toán theo Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ số 244-TC21/BC-ATAX ngày 16/7/2021 và Kiểm soát viên Công ty thẩm định tại Báo cáo số 1732/BC-KSV ngày 27/7/2021; Kết quả kiểm toán, thẩm định kết quả kinh doanh và Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2021 của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Thuế ATAX và Kiểm soát viên Công ty không nêu ý kiến đánh giá cần giải trình.

7. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của Người quản lý doanh nghiệp

7.1. Công tác quản lý, điều hành:

- Hội đồng thành viên Công ty đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, cụ thể:

+ Quyết định kế hoạch sản xuất - tài chính của Công ty; trình UBND tỉnh phê duyệt Dự toán kế hoạch đặt hàng quản lý, khai thác công trình thủy lợi, báo cáo tài chính hằng năm của Công ty;

+ Quyết định các dự án đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định thuộc thẩm quyền và trình UBND tỉnh phê duyệt các dự án thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;

+ Quyết định việc thanh lý tài sản không cần dùng, tài sản hư hỏng; đối với tài sản nằm trong dây chuyền sản xuất, khi thanh lý đã được sự đồng ý bằng văn bản của UBND tỉnh và có sự giám sát của cơ quan quản lý nhà nước về tài chính và cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành trong quá trình thanh lý tài sản;

- Hội đồng thành viên chỉ đạo, điều hành hoạt động Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, vì lợi ích hợp pháp của Công ty và người lao động Công ty; tổ chức quản lý vốn và tài sản đúng mục đích, có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn nhà nước; hoàn thành nghĩa vụ với ngân sách nhà nước.

- Thực hiện nghiêm túc, kịp thời các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của UBND tỉnh, các cơ quan quản lý nhà nước cấp trên.

- Thực hiện chế độ tài chính, báo cáo tài chính, báo cáo giám sát, báo cáo kết quả sản xuất và tình hình hoạt động của Công ty và các báo cáo khác trung thực, đúng quy định; trích lập, quản lý và sử dụng các quỹ đúng quy định.

7.2. Chấp hành chính sách, chế độ và pháp luật nhà nước:

- Các chính sách, chế độ đối với người lao động trong đơn bị được thực hiện đầy đủ, kịp thời, công khai, minh bạch, có tham khảo ý kiến của Công đoàn Công ty trước khi thực hiện, cụ thể:

+ Tiền lương: Tạm ứng hằng tháng đúng quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

+ Bảo hiểm: Trích, nộp, chi trả đầy đủ và kịp thời theo đúng quy định của Bảo hiểm xã hội Việt Nam;

+ Thực hiện đầy đủ các quy định về bảo vệ môi trường, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ; trang bị đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động, phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động;

+ Thực hiện việc phê duyệt kế hoạch sử dụng lao động hằng năm; ký kết hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động đúng quy định về pháp luật lao động hiện hành.

- Tổ chức thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, kê khai nộp thuế và các khoản thu nộp ngân sách khác đúng quy định hiện hành.

- Tổ chức thực hiện công bố thông tin và công khai thông tin tài chính hằng năm của doanh nghiệp theo đúng quy định tại Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 và Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ.

8. Xếp loại doanh nghiệp và Người quản lý Công ty

Công ty đã thực hiện công tác đánh giá tình hình tài chính và xếp loại doanh nghiệp năm 2020 đúng quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày



Thykh

13/10/2015 của Chính phủ và Thông tư số 219/2015/TT-BTC ngày 31/12/2015 của Bộ Tài chính; đang chờ Quyết định của UBND tỉnh Quảng Nam.

Trên đây là báo cáo đánh giá tình hình tài chính của doanh nghiệp 06 tháng đầu năm 2021, Công ty TNHH một thành viên Khai thác thủy lợi Quảng Nam kính báo cáo UBND tỉnh và các Sở chuyên ngành./.

Nơi nhận: *Thủy*

- Như trên;
- Sở Tài chính (b/cáo);
- Sở Nông nghiệp và PTNT (b/cáo);
- HĐTV Công ty;
- KSV Công ty;
- GD, các PGD Công ty;
- Các phòng chức năng Công ty;
- Lưu: VT, TC-KT.

**TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đình Hải

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
KHAI THÁC THỦY LỢI QUẢNG NAM**

Biểu số 02.A

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ HUY ĐỘNG VỐN ĐỂ ĐẦU TƯ VÀO CÁC DỰ ÁN HÌNH THÀNH TSCĐ VÀ XDCB

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: triệu đồng

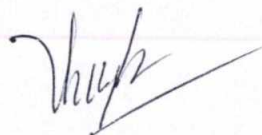
Số T.T	Tên dự án	Quyết định phê duyet	Tổng mức vốn đầu tư					Thời gian đầu tư theo kế hoạch	Nguồn vốn huy động			Giá trị khối lượng thực hiện đến ngày 30/6/2021			Giải ngân đến ngày 30/6/2021			Giá trị tài sản đã hình thành và đưa vào sử dụng
			Tổng	Vốn chủ sở hữu	%	Vốn huy động	%		Tổng số	Thời hạn vay	Lãi suất (%)	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ	Thực hiện đến hết ngày 30/6/2021	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ	Thực hiện đến hết ngày 30/6/2021	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
A	Các dự án nhóm A																	
B	Các dự án nhóm B																	
C	Các dự án khác		36.433,70	35.369,43								21.107,27	855,61	21.962,89	18.737,26	5.158,04	23.895,30	7.710,42
I	Nguồn xây dựng cơ bản		26.373,94	25.309,67								16.909,65	312,42	17.222,07	15.270,36	2.423,05	17.693,41	3.322,75
1	Sửa chữa các trạm bơm điện Cẩm Văn, Đông Quang và Thanh Quýt	243-SKHDT 27/12/2018	3.551,27	2.486,00	70	1.065,27	30	2018-2020				3.320,34	2,41	3.322,75	2.811,23	106,42	2.917,65	3.322,75
2	Điện Bàn và trạm bơm Xuyên Đông, huyện Duy Xuyên	141-SKHDT 25/7/2018	5.682,56	5.682,56	100			2019-2021				4.530,65	154,78	4.685,43	3.588,87	660,47	4.249,34	
3	Nâng cấp kênh N1 và N2 hồ chứa nước Phú Lộc	154-SKHDT 07/8/2019	12.049,14	12.049,14	100			2019-2021				8.612,30	128,97	8.741,27	7.321,93	984,91	8.306,84	
4	Kênh N14-2-1 Khe Tân, xã Đại Cường, huyện Đại Lộc	459-SNN&PTNT 01/12/2020	1.004,56	1.004,56	100			2020-2021				82,79	4,18	86,97	480,39	4,18	484,57	
5	Kênh chính trạm bơm Bàu Phốc, thị trấn Ái Nghĩa, huyện Đại Lộc	460-SNN&PTNT 01/12/2020	641,50	641,50	100			2020-2021				52,93	2,51	55,44	307,40	2,51	309,91	
6	Kênh N4-2 Vĩnh Trinh Tây, xã Duy Hòa, huyện Duy Xuyên	461-QĐ- SNN&PTNT 01/12/2020	862,82	863,82	100			2020-2021				65,82	7,45	73,28	59,63	297,45	357,08	
7	Kênh N4-2, N12 Vĩnh Trinh Tây, xã Duy Hòa, huyện Duy Xuyên	462-QĐ- SNN&PTNT 01/12/2020	1.371,10	1.371,10	100			2020-2021				120,78	12,10	132,88	109,28	367,10	476,38	

Số T.T	Tên dự án	Quyết định phê duyet	Tổng mức vốn đầu tư					Thời gian đầu tư theo kế hoạch	Nguồn vốn huy động			Giá trị khối lượng thực hiện đến ngày 30/6/2021			Giải ngân đến ngày 30/6/2021			Giá trị tài sản đã hình thành và đưa vào sử dụng
			Tổng	Vốn chủ sở hữu	%	Vốn huy động	%		Tổng số	Thời hạn vay	Lãi suất (%)	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ	Thực hiện đến hết ngày 30/6/2021	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ	Thực hiện đến hết ngày 30/6/2021	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
8	Kênh Chính Nam Việt An, xã Bình Sơn, huyện Iliệp Đức	465-SNN&PTNT 01/12/2020	347,20	347,20	100			2020-2021				39,60		39,60	171,26		171,26	
9	Kênh N2 trạm bơm Thạch Hòa, xã Bình Chánh, huyện Thăng Bình	466-SNN&PTNT 01/12/2020	370,92	370,92	100			2020-2021				36,98		36,98	180,94		180,94	
10	Kênh VC14 Bắc Phú Ninh, thị trấn Phú Thinh, huyện Phú Ninh	464-SNN&PTNT 01/12/2020	492,87	492,87	100			2020-2021				47,46		47,46	239,43		239,43	
II	Nguồn khắc phục thiệt hại do mưa lũ từ ngày 08/12 đến ngày 12/12/2018		4.980,41	4.980,41								4.197,62	(4,22)	4.193,40	3.466,90	214,02	3.680,92	4.193,40
1	Khắc phục, sửa chữa kênh N2B Bắc Phú Ninh	13-SKHĐT 17/01/2020	2.950,80	2.950,80	100			2019-2020				2.299,42		2.299,42	1.839,61	203,00	2.042,61	2.299,42
2	Sửa chữa công xã cầu máng số 2, số 3 và số 4 trên kênh chính Bắc Phú Ninh	14-SKHĐT 17/01/2020	1.049,38	1.049,38	100			2019-2020				966,24		966,24	796,60	5,70	802,30	966,24
3	Sửa chữa đập điều tiết kênh N22-5-1 Bắc Phú Ninh	15-SKHĐT 17/01/2020	281,64	281,64	100			2019-2020				270,64	(4,01)	266,63	241,36	1,53	242,89	266,63
4	Sửa chữa đập điều tiết Mực Nhơn, thị xã Điện Bàn	16-SKHĐT 17/01/2020	220,65	220,65	100			2019-2020				208,80		208,80	186,19	1,20	187,39	208,80
5	Sửa chữa đập dâng Cồn Tháy, huyện Thăng Bình	17-SKHĐT 17/01/2020	477,94	477,94	100			2019-2020				452,52	(0,20)	452,32	403,14	2,60	405,74	452,52
III	Nguồn khắc phục thiệt hại do do các đợt bão, lũ gây ra trong năm 2020		4.862,96	4.862,96								0,00	353,14	353,14	0,00	2.348,24	2.348,24	
1	Sửa chữa, khắc phục đập dâng Hương Mao	197-SNN&PTNT 04/5/2021	605,83	605,83	100			2020-2021				0,00	40,18	40,18	0,00	294,69	294,69	
2	Sửa chữa, khắc phục đoạn K1+850-K3+303 kênh N2B Bắc Phú Ninh	198-SNN&PTNT 04/5/2021	1.113,39	1.113,39	100			2020-2021				0,00	78,45	78,45	0,00	541,11	541,11	
3	Nạo vét bề hút, kênh dẫn các trạm bơm Ai Nghĩa, Thái Sơn, Cẩm Văn, Đông Quang, La Thọ, Đông Hồ, Vĩnh Điện, Tứ Cầu, Cẩm Sa	195-SNN&PTNT 03/5/2021	240,47	240,47	100			2020-2021				0,00	31,97	31,97	0,00	118,87	118,87	
4	Sửa chữa, khắc phục kênh N5 trạm bơm điện Đông Hồ	217-SNN&PTNT 13/5/2021	999,58	999,58	100			2020-2021				0,00	73,35	73,35	0,00	482,46	482,46	
5	Sửa chữa, khắc phục kênh chính trạm bơm Vĩnh Điện	219-SNN&PTNT 13/5/2021	910,76	910,76	100			2020-2021				0,00	62,11	62,11	0,00	434,30	434,30	
6	Sửa chữa, khắc phục kênh N20 Bắc Phú Ninh	226-SNN&PTNT 17/5/2021	992,92	992,92	100			2020-2021				0,00	67,09	67,09	0,00	476,82	476,82	

Số T.T	Tên dự án	Quyết định phê duyet	Tổng mức vốn đầu tư					Thời gian đầu tư theo kế hoạch	Nguồn vốn huy động			Giá trị khối lượng thực hiện đến ngày 30/6/2021			Giải ngân đến ngày 30/6/2021			Giá trị tài sản đã hình thành và đưa vào sử dụng
			Tổng	Vốn chủ sở hữu	%	Vốn huy động	%		Tổng số	Thời hạn vay	Lãi suất (%)	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ	Thực hiện đến hết ngày 30/6/2021	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ	Thực hiện đến hết ngày 30/6/2021	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
IV	Nguồn khấu hao cơ bản tái đầu tư (ĐTPT)		216,39	216,39								0,00	194,27	194,27	0,00	172,73	172,73	194,27
1	Nhà quản lý cụm thủy nông Đông Quang: Chính trang khuôn viên nhà quản lý; trạm bơm điện Đông Quang: Lan can bảo vệ kênh Chính đoạn K2+261- K2+576 tại thị xã Điện Bàn và trạm bơm điện Hà Châu: Hàng rào cổng ngõ tại thành phố Hội An	2047-CT 20/10/2020	216,39	216,39	100			2020-2021				0,00	194,27	194,27	0,00	172,73	172,73	194,27

* **Ghi chú:** Số liệu từ cột (2) đến cột (12) theo Quyết định phê duyệt dự án đầu tư của cấp có thẩm quyền.

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Thị Nhật Uyên



Đỗ Văn Tùng

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
KHAI THÁC THỦY LỢI QUẢNG NAM

Biểu số 02.C

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2021

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

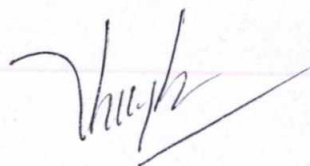
Nội dung	Cùng kỳ	Cùng kỳ	Thực hiện năm 2021		Biến động so với (tỷ lệ %)		
	năm	năm	Kế	Thực	Cùng kỳ	Cùng kỳ	Kế hoạch
	2019	2020	hoạch	hiện	năm 2019	năm 2020	năm 2021
	[1]	[2]	[3]	[4]	[5]=[4]/[1]	[6]=[4]/[2]	[7]=[4]/[3]
A. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh (ha)							
1. Sản lượng sản xuất sản phẩm chủ yếu	24.820,08	24.870,65	49.931,02	24.795,62	99,90	99,70	49,66
2. Sản lượng tiêu thụ sản phẩm chủ yếu	24.820,08	24.870,65	49.931,02	24.795,62	99,90	99,70	49,66
3. Tồn kho cuối kỳ							
B. Chỉ tiêu tài chính (đồng)							
1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	30.210.391.447	31.021.988.568	80.340.949.000	32.008.540.000	105,95	103,18	39,84
2. Giá vốn hàng bán	22.521.228.617	22.729.732.756	56.890.949.000	23.242.300.613	103,20	102,26	40,85
3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	7.689.162.830	8.292.255.812	23.450.000.000	8.766.239.387			
4. Doanh thu hoạt động tài chính	19.991.004	21.443.709	50.000.000	18.831.506	94,20	87,82	37,66
5. Chi phí tài chính							
6. Chi phí bán hàng							
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	10.128.136.400	9.976.921.613	23.500.000.000	10.624.313.860	104,90	106,49	45,21
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(2.418.982.566)	(1.663.222.092)	0	(1.839.242.967)			
9. Thu nhập khác		149.321.133		234.644.481			
10. Chi phí khác				549.013			
11. Lợi nhuận khác		149.321.133	0	234.095.468			

1 *Thy*

Nội dung	Cùng kỳ	Cùng kỳ	Thực hiện năm 2021		Biến động so với (tỷ lệ %)		
	năm	năm	Kế	Thực	Cùng kỳ	Cùng kỳ	Kế hoạch
	2019	2020	hoạch	hiện	năm 2019	năm 2020	năm 2021
	[1]	[2]	[3]	[4]	[5]=[4]/[1]	[6]=[4]/[2]	[7]=[4]/[3]
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(2.418.982.566)	(1.513.900.959)	0	(1.605.147.499)			
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành							
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại							
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(2.418.982.566)	(1.513.900.959)	0	(1.605.147.499)			

* **Ghi chú:** - Chỉ tiêu doanh thu (Mục 1-Cột 3) bao gồm số xin trợ cấp từ Ngân sách Tỉnh là 16.738.726.000, đồng.

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Thị Nhật Uyên

GIÁM ĐỐC



Đỗ Văn Tùng



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
KHAI THÁC THỦY LỢI QUẢNG NAM

Biểu số 02.D

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG ÍCH 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2021

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ so với kế hoạch	Tỷ lệ so với cùng kỳ năm trước
1. Khối lượng, sản lượng sản phẩm dịch vụ công ích thực hiện trong năm?	49.931,02 ha	24.795,62 ha	49,66 %	99,70 %
2. Khối lượng, sản lượng sản phẩm, dịch vụ công ích bị lỗi, không đạt yêu cầu?	0,00 ha	0,00 ha		
3. Số lượng ý kiến phản hồi về chất lượng sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp không đạt yêu cầu?	0 ý kiến	0 ý kiến		
4. Chi phí phát sinh liên quan đến các sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện trong năm	80.390,95 tr.đ	33.867,16 tr.đ	42,13 %	103,55 %
5. Doanh thu thực hiện các sản phẩm, dịch vụ công ích trong năm	80.390,95 tr.đ	32.262,02 tr.đ	40,13 %	103,43 %

* Ghi chú: - Chỉ tiêu doanh thu (Mục 5) bao gồm số xin trợ cấp từ Ngân sách Tỉnh là 16.738.726.000, đồng.

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Thị Nhật Uyên

GIÁM ĐỐC



Đỗ Văn Tùng

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
KHAI THÁC THỦY LỢI QUẢNG NAM**

Biểu số 02.Đ

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2021

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Số còn phải nộp năm trước chuyển sang	Số phát sinh phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số còn phải nộp chuyển sang kỳ sau
1. Thuế	(6,64)	569,36	596,12	(33,40)
- Thuế giá trị gia tăng	49,23	455,49	459,86	44,86
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	(61,47)			(61,47)
- Thuế xuất, nhập khẩu				
- Thuế đất				
- Thuế tài nguyên	13,66	96,10	95,62	14,14
- Các khoản thuế khác	(8,06)	17,77	40,64	(30,93)
2. Các khoản phải nộp khác	0,00	10,00	10,00	0,00
- Phí, lệ phí		10,00	10,00	0,00
- Các khoản phải nộp khác				
3. Nộp Ngân sách nhà nước (Quỹ Hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp) phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp theo quy định				

B. TÌNH HÌNH TRÍCH LẬP VÀ SỬ DỤNG CÁC QUỸ 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2021

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Dư đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Dư cuối kỳ
1. Quỹ đầu tư phát triển	623,43			623,43
2. Quỹ khen thưởng phúc lợi	533,32	6,71	2.193,91	(1.653,89)
3. Quỹ thưởng Người quản lý doanh nghiệp	5,06		1,20	3,86
4. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	0,00			0,00
5. Quỹ đặc thù khác	0,00			0,00

1 *Thị*

*** Thuyết minh tăng giảm quỹ trong năm:**

1. Tăng trong năm:	6.705.000 đồng
- Quỹ đầu tư phát triển:	0 đồng
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi:	6.705.000 đồng
+ Tiền thưởng Công ty đạt Huân chương lao động hạng III	6.705.000 đồng
- Quỹ thưởng Người quản lý doanh nghiệp	0 đồng
2. Giảm trong năm	2.195.111.000 đồng
- Quỹ đầu tư phát triển:	0 đồng
- Quỹ khen thưởng phúc lợi:	2.193.911.000 đồng
+ Khen thưởng	1.418.220.000 đồng
+ Phúc lợi	775.691.000 đồng
- Quỹ thưởng Người quản lý doanh nghiệp	1.200.000 đồng
+ Thưởng Công ty đạt Danh hiệu Doanh nghiệp tiêu biểu	1.200.000 đồng

* Ghi chú: Thông tin lấy từ báo cáo tài chính của doanh nghiệp.

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Thị Nhật Uyên

GIÁM ĐỐC



Đỗ Văn Tùng





MỤC LỤC

Báo cáo đánh giá tình hình tài chính 06 tháng đầu năm 2021



1. Báo cáo đánh giá tình hình tài chính 06 tháng đầu năm 2021
2. Tình hình đầu tư và huy động vốn để đầu tư vào các dự án hình thành tài sản cố định và xây dựng cơ bản Biểu số 02.A
3. Tình hình sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính năm 2020 Biểu số 02.C
4. Tình hình thực hiện sản phẩm, dịch vụ công ích Biểu số 02.D
5. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước và tình hình trích lập và sử dụng các quỹ năm 2020 Biểu số 02.Đ

